



# CÔNG BÁO

*Thành phố Hồ Chí Minh*

Số 43 + 44

Ngày 01 tháng 6 năm 2021

## MỤC LỤC

Trang

### PHÂN VẤN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- |            |   |    |
|------------|---|----|
| 14-4-2021- | Quyết định số 1281/QĐ-UBND ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư năm 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh. | 3  |
| 16-4-2021- | Quyết định số 1320/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 1.   | 39 |
| 19-4-2021- | Quyết định số 1334/QĐ-UBND về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Thủ Đức.  | 44 |

07-5-2021- Quyết định số 1528/QĐ-UBND v/v công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

63

## PHẦN VĂN BẢN KHÁC

### ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1281/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 4 năm 2021*

### QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư năm 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2019 và định hướng đến năm 2021;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2020;*

*Căn cứ Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021;*

*Căn cứ Quyết định số 40/QĐ-UBND ngày 06 tháng 01 năm 2021 của Ủy ban*

*nhân dân Thành phố về kế hoạch chỉ đạo, điều hành phát triển kinh tế - xã hội, ngân sách và Chương trình công tác năm 2021 của Ủy ban nhân dân Thành phố;*

*Xét đề nghị của Sở Kế hoạch và Đầu tư tại Tờ trình số 3001/TTr-SKHĐT ngày 30 tháng 3 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, nâng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, các giải pháp và danh mục các nhiệm vụ cần thực hiện cải thiện môi trường đầu tư nhằm thực hiện chủ đề năm 2021: “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư” của Thành phố.

**Điều 2.** Các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tập trung thực hiện các nhiệm vụ và giải pháp được phân công tại danh mục kèm theo Quyết định này đảm bảo chất lượng; đồng thời, tiếp tục triển khai các nhiệm vụ được giao tại các Quyết định số 1246/QĐ-UBND ngày 30 tháng 3 năm 2019 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019 của Chính phủ; Quyết định số 2164/QĐ-UBND ngày 12 tháng 6 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Kế hoạch và Đầu tư, thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

## **KẾ HOẠCH**

**Triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021  
của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu  
cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia  
năm 2021 và các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư năm  
(Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND  
ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố)**

Nhằm thực hiện thắng lợi mục tiêu, nhiệm vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2021 và chủ đề năm 2021 “Năm xây dựng chính quyền đô thị và cải thiện môi trường đầu tư”, Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch triển khai Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021, triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư năm 2021 của Thành phố và tiếp tục thực hiện Kế hoạch triển khai các Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2019, Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2020 của Chính phủ về cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh quốc gia như sau:

### **I. MỤC TIÊU, NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP**

#### **1. Mục tiêu**

- Cải thiện môi trường kinh doanh, môi trường đầu tư, năng lực cạnh tranh của kinh tế Thành phố nhằm thích ứng với cuộc cách mạng công nghiệp 4.0.
- Thực hiện thắng lợi các chỉ tiêu chủ yếu mà Thành phố đã đề ra trong năm 2021.
- Chủ động ứng phó và giảm nhẹ tác động của dịch Covid-19 đến môi trường đầu tư kinh doanh và đời sống kinh tế - xã hội của Thành phố.

#### **2. Nhiệm vụ và giải pháp**

Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện tập trung thực hiện 10 nhóm nhiệm vụ và giải pháp sau:

### **2.1. Nhóm giải pháp về cải cách thủ tục hành chính:**

- Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tăng tính minh bạch để giảm thời gian, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người dân, doanh nghiệp.

- Công khai quy trình xử lý của tất cả các thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp có thể kiểm soát tiến độ thực hiện, vướng mắc phát sinh và trách nhiệm giải quyết. Thường xuyên kiểm tra, rà soát để đảm bảo việc công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Nội dung hướng dẫn thủ tục hành chính phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, cụ thể để người dân và doanh nghiệp dễ dàng thực hiện, đảm bảo “tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất”, không để người dân và doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần khi thực hiện thủ tục hành chính.

- Đổi mới cách thức khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với công tác phục vụ của cơ quan hành chính trên toàn Thành phố; đánh giá thường xuyên và có giải pháp cải thiện, khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hạn, thái độ ứng xử chưa đúng mực của cán bộ, công chức khi tiếp xúc với người dân, doanh nghiệp.

- Cập nhật và hướng dẫn chi tiết để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật, quy định của các cấp từ Trung ương đến địa phương; cập nhật các chương trình, kế hoạch của Thành phố liên quan đến người dân và doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, phương thức hiệu quả.

- Các đơn vị khi được hỏi ý kiến phải khẩn trương trả lời cơ quan hỏi ý kiến. Nếu quá 15 ngày làm việc, cơ quan được lấy ý kiến không trả lời bằng văn bản thì xem như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan theo đúng Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại Quyết định số 63/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 12 năm 2016.

- Tăng số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được đưa vào cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tại các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành

phố Thủ Đức và các quận, huyện. Cải tiến chất lượng dịch vụ công mức độ 3, 4 đang áp dụng. Xây dựng quy chế phối hợp đối với các thủ tục có tính chất liên thông.

- Tích hợp thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.

- Giám sát việc thực thi quy định đối với thủ tục đặt in/tự in hóa đơn và thông báo phát hành đảm bảo đúng thời hạn 02 ngày theo quy định; đối với thủ tục mua hóa đơn đảm bảo giải quyết ngay trong ngày đối với hồ sơ đúng quy định. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đẩy mạnh việc đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp theo Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.

- Phát hành Sổ tay đầu tư theo các quy định mới của Luật Đầu tư năm 2020 và pháp luật khác có liên quan.

- Ban hành Quy chế phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố.

- Xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp sở, ban ngành và địa phương thuộc Thành phố.

- Xây dựng kế hoạch triển khai việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố.

- Khi cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì thông báo một lần bằng văn bản cho doanh nghiệp, nhà đầu tư về toàn bộ các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung đối với mỗi bộ hồ sơ theo đúng Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020.

- Giảm ít nhất 30% thời gian xử lý kiến nghị của doanh nghiệp so với quy trình cơ quan, đơn vị đang triển khai hiện nay.

- Trên 60% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4.

- Kiện toàn thành viên của Tổ công tác đầu tư và Quy chế sửa đổi, bổ sung hoạt động Tổ công tác đầu tư, trình Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành.

- Thường xuyên rà soát khó khăn vướng mắc của các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của Thành phố để tổng hợp, tham mưu đề xuất đưa vào Chương trình làm việc của Tổ công tác đầu tư.

- Theo dõi chặt chẽ việc tổ chức thực hiện kết luận của Tổ công tác đầu tư, không để chậm trễ các nhiệm vụ, các công việc đã có kết luận, có thời hạn, thời hiệu. Trường hợp phát sinh khó khăn mới vượt thẩm quyền, báo cáo ngay để Tổ công tác đầu tư chỉ đạo xử lý.

- Tổ chức các buổi gặp gỡ giữa các sở, ban, ngành của Thành phố với các hội đồng ngành, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội ngành nghề, doanh nghiệp trong và ngoài nước để lắng nghe ý kiến, tháo gỡ khó khăn thuộc lĩnh vực mình quản lý cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư.

## **2.2. Nhóm giải pháp về công tác phối hợp giữa các cơ quan:**

- Ban hành Quyết định về cơ chế phối hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, bao gồm chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp đồng thời với chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc trong trường hợp đấu giá, đấu thầu thay thế Quyết định số 5166/QĐ-UBND ngày 02 tháng 10 năm 2017 của Ủy ban nhân dân Thành phố về Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất.

- Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án có sử dụng đất.

- Sửa đổi Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trên địa bàn Thành phố trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.

- Ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở, ban ngành trong việc tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam.

- Tăng cường công tác hậu kiểm sau cấp phép thay cho tiền kiểm trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính đối với một số lĩnh vực theo quy định.

- Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước giữa Ban Quản lý Khu Công



nghệ cao, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp và các sở, ban ngành Thành phố theo quy định tại Nghị định 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế.

- Tổ chức gặp gỡ, đối thoại giữa lãnh đạo Thành phố và doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm bằng các hình thức đối thoại trực tiếp và trực tuyến.

- Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư, kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp.

- Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện 03 Chương trình hỗ trợ phát triển và sản phẩm các ngành: Chương trình Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa, Chương trình Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa, Chương trình Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành chế biến thực phẩm Thành phố giai đoạn 2020 - 2030.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển ngành logistics trên địa bàn Thành phố đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển xuất khẩu trên địa bàn Thành phố đến 2025, định hướng đến 2030.

### **2.3. Nhóm giải pháp về tiếp cận nguồn lực đất đai:**

- Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố, các sở, ban, ngành, thành phố Thủ Đức và các quận, huyện nhằm minh bạch hóa tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, đảm bảo cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất.

- Tập trung triển khai Đề án “Quản lý đất đai và phương hướng sử dụng đất đai hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.

- Tham mưu ban hành khung giá đất sát với giá thực tế trên thị trường.

- Trên 80% các chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn từ 96%, mỗi năm tiếp theo tăng 1%.

- Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các giải pháp rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình gắn liền với đất, thủ

tục chuyển quyền sở hữu nhà, đăng ký quyền sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành.

- Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung hoặc kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các quy định làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao dịch điện tử về đất đai.

- Ưu tiên đầu tư kinh phí cho việc hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính có tọa độ theo Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23 tháng 11 năm 2012 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai và một số quy định của pháp luật về quản lý đất đai để tăng cường công tác về quản lý đất đai.

- Xây dựng các chương trình, chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị và nhà ở kèm theo các giải pháp và nguồn lực thực hiện, trong đó ưu tiên các dự án phát triển đô thị có quy mô lớn (trên 10 ha), có ứng dụng công nghệ đô thị thông minh, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; ưu tiên các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở cao tầng dọc theo các trục và hành lang giao thông trọng điểm, trong phạm vi bán kính 500m - 1000m xung quanh các nhà ga đường sắt đô thị.

- Rà soát, công khai quy hoạch khu chế xuất, công nghiệp, quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại khu chế xuất, công nghiệp. Nghiên cứu thành lập các cụm công nghiệp tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhu cầu.

- Rà soát, kiểm tra tiến độ triển khai dự án đầu tư, xử lý kịp thời đối với các dự án chậm triển khai, chủ đầu tư giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật để thu hồi đất, thu hút dự án đầu tư mới.

- Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư năm 2021 của Thành phố và tổ chức đấu thầu các dự án theo quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất.

#### **2.4. Nhóm giải pháp về chuyển đổi số và khoa học công nghệ:**

- Đẩy nhanh việc thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Thành phố theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân

Thành phố để doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận và tham gia hiệu quả vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đổi mới quy trình và công nghệ sản xuất; từng bước chuyển khu vực kinh tế dịch vụ đơn thuần sang số hoá như: thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, thúc đẩy phát triển các nền tảng trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và y tế.

- Ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021 - 2025.

- Xây dựng Hệ thống thông tin khai trình lao động trực tuyến kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.

- Tổ chức triển khai việc tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng dịch vụ công quốc gia đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ.

- Phần đầu số hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử đạt tỷ lệ từ 93% trở lên.

- Nâng cấp, xây dựng Chương trình đăng ký đầu tư trực tuyến theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 với mục tiêu tỷ lệ cấp giấy chứng nhận đăng ký đầu tư qua mạng điện tử đạt tỷ lệ từ 40% trở lên.

- Triển khai hệ thống phần mềm quản lý và giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư tại Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.

- Tăng số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, trong đó phần đầu áp dụng 100% cho dịch vụ công thiết thực đối với người dân (như các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, an sinh xã hội); cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau.

- Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố xây dựng phần mềm quản lý các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp hoặc tích hợp vào phần mềm hồ sơ công việc của Ủy ban nhân dân Thành phố.

- Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến về các thủ tục thuế điện tử.

- Xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030.

- Triển khai các chương trình, đề án bao gồm: Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030; Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sản phẩm. Huấn luyện về năng suất, chất lượng phục vụ cải tiến và đổi mới mô hình quản lý sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy doanh nghiệp tại các khu công nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm. Tư vấn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đo lường.

- Nghiên cứu xây dựng Hệ thống dữ liệu dùng chung về quản lý doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước nhằm tăng cường công tác quản lý về doanh nghiệp, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.

- Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký chuyển giao công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh tuyên truyền về việc xây dựng và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp; đề xuất điều chỉnh chính sách về Quỹ khoa học và công nghệ theo hướng nâng cao tính tự chủ của các doanh nghiệp.

## **2.5. Nhóm giải pháp về đầu tư công:**

- Trình Hội đồng nhân dân Thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025.

- Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh tỷ lệ áp dụng đấu thầu qua mạng đạt được lộ trình năm 2021 theo Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bảo đảm tổng số lượng các gói thầu đạt tối thiểu 70% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh và tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 35% tổng giá trị các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh.

- Ban hành Quy trình thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BTL/BLT trên địa bàn Thành phố cho các dự án đốt rác phát điện; xử lý rác thải, nước thải sau khi các nghị định hướng dẫn Luật được ban hành.

- Ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố (bãi bỏ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5

năm 2018 của Ủy ban nhân dân Thành phố).

- Ban hành Quy trình thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức PPP sau khi các nghị định hướng dẫn Luật được ban hành và các dự án kêu gọi xã hội hóa.

- Lập kế hoạch đầu tư công và xã hội hóa đầu tư phát triển cây xanh trên địa bàn, đặc biệt là các công viên trong các dự án phát triển đô thị và nhà ở, theo hướng dành 10% đất đai cho công viên và không gian mở.

## **2.6. Nhóm giải pháp về quy hoạch và xây dựng:**

- Công khai các nội dung của đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được ban hành để các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, người dân có thể khai thác thuận tiện, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận.

- Thực hiện nghiêm Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các biện pháp rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; giám sát và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải quyết thủ tục hành chính.

- Xây dựng quy trình về việc thẩm định hồ sơ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, trong đó giảm thời gian 02 ngày so với quy định.

- Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, tổ chức lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung thành phố Thủ Đức sau khi Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Triển khai nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021 - 2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.

- Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chương trình phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Chương trình phát triển đô thị thành phố Thủ Đức và Đề án công nhận thành phố Thủ Đức là đô thị loại I trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.

- Kiến nghị Bộ Xây dựng rà soát lại quy trình, thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép và thanh tra, kiểm tra xây dựng không quá 50 ngày; nghiên cứu, đề xuất áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư xây dựng nhằm giảm số lượng các cuộc kiểm tra, số lần phê duyệt.

- Xây dựng kế hoạch đẩy nhanh việc triển khai các khu đô thị tái định cư phục

vụ bố trí tái định cư cho các dự án của nhà nước, các công trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp và các dự án của các nhà đầu tư.

- Xây dựng Quy chế phối hợp đảm bảo liên thông trong công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, đất đai, xây dựng và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình trên địa bàn Thành phố.

### **2.7. Nhóm giải pháp về lao động và đào tạo nguồn lao động:**

- Tập trung triển khai Đề án đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ở 8 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông; cơ khí - tự động hoá; trí tuệ nhân tạo; quản trị doanh nghiệp; tài chính - ngân hàng; y tế; du lịch; quản lý đô thị) và đại học chia sẻ giai đoạn 2020 - 2035.

- Ban hành cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, huy động các chuyên gia giỏi về làm việc tại Thành phố.

- Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nghề và phát triển kỹ năng cho đội ngũ lao động của Thành phố nhằm giảm chi phí và giảm thời gian đào tạo lại của doanh nghiệp.

- Khảo sát tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố và có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lao động mới hoặc cung cấp dịch vụ đào tạo lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.

- Tích cực mời gọi, khuyến khích đầu tư và hợp tác của các trường đại học, dạy nghề có uy tín trong khu vực và thế giới.

- Nghiên cứu dự báo các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng lao động trong tương lai của Thành phố để có chính sách hỗ trợ phát triển và đào tạo. Rà soát, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

- Thực hiện, đề xuất giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ cao và các ngành chủ lực của Thành phố.

- Tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo ngắn hạn hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, kỹ năng tiếp cận và sử dụng nguồn vốn đầu tư, điều hành doanh nghiệp.

**2.8. Nhóm giải pháp về tiếp cận nguồn lực tài chính:**

- Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho vay, bố trí các gói tín dụng cho doanh nghiệp vay với lãi suất hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng công bằng.

- Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định về hỗ trợ lãi vay theo Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố.

- Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt theo Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025.

- Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp để hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi.

- Tổ chức hoạt động kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước từ các quỹ đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài hoặc các tổ chức tài chính quốc tế.

**2.9. Nhóm giải pháp về thiết chế pháp lý, an ninh trật tự:**

- Kiến nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung Nghị định hướng dẫn các quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015 về giao dịch bảo đảm, trong đó hoàn thiện các quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm, thứ tự ưu tiên thanh toán... theo hướng đơn giản hóa quy định về hồ sơ và thực hiện triển khai đăng ký, sửa đổi, bổ sung, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo phương thức trực tuyến.

- Kiến nghị Quốc hội, Chính phủ hoàn thiện pháp luật về phá sản, quy định rõ quyền yêu cầu của bên nhận bảo đảm và biện pháp xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm không cần thiết cho quá trình tái cơ cấu của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.

- Áp dụng đồng bộ cơ chế tiếp nhận phản ánh, khiếu nại, tố cáo hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức thông qua đường dây nóng để hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật. Xây dựng ngay cơ chế, quy trình giúp doanh nghiệp tố cáo các hành vi tham nhũng của cán bộ, công chức.

- Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về chính sách, quy định của pháp luật,

kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả khi tiếp xúc và làm việc với người dân, doanh nghiệp.

- Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ ràng.

- Phát huy các kết quả đạt được của công tác cải cách tư pháp, tiếp tục khắc phục các hạn chế, yếu kém để đẩy nhanh tiến độ, đồng thời đảm bảo chất lượng xét xử và thi hành án nhằm gia tăng lòng tin của doanh nghiệp khi lựa chọn cơ quan tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp.

- Đánh giá, nắm chắc tình hình địa bàn cơ sở và đề ra các phương hướng, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Nhanh chóng hỗ trợ, giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, vi phạm pháp luật được trình báo.

#### **2.10. Nhóm giải pháp khắc phục tác động tiêu cực của dịch Covid-19:**

- Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh trong điều kiện bảo đảm an toàn theo các Bộ tiêu chí an toàn Thành phố đã ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp giảm thủ tục hành chính để hỗ trợ lưu thông hàng hóa trên địa bàn, duy trì các hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Thành phố.

- Ban hành kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp trong và sau dịch Covid-19 với nội dung công việc và trách nhiệm cụ thể của các sở, ban ngành nhằm đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo chủ trương của Trung ương và Thành phố.

- Đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; ban hành Kế hoạch hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 với các giải pháp hiệu quả, sát với thực tế.

- Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đầu tư, thương mại, du lịch trên cơ sở nắm bắt nhu cầu thực tế của doanh nghiệp năm 2021. Tổ chức Hội nghị kết nối cung - cầu giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành; tổ chức các Diễn đàn lĩnh vực chuyên ngành (xuất khẩu, công nghiệp...). Triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu và quảng bá điểm đến Thành phố, Chương trình kích cầu du lịch nội địa, Chương trình liên kết phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các địa



phương khác trong cả nước.

- Xây dựng danh mục các dự án kêu gọi đầu tư năm 2021 của Thành phố.

## **II. TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

1. Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện, thủ trưởng các doanh nghiệp nhà nước và các đơn vị trực thuộc Ủy ban nhân dân thành phố:

- Trực tiếp chỉ đạo, chịu trách nhiệm trước Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố về việc thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh; phân công đơn vị làm đầu mối thực hiện tham mưu, hướng dẫn, kiểm tra, tổng hợp việc cải thiện môi trường kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh của đơn vị.

- Căn cứ vào Kế hoạch này, phổ biến, quán triệt tới từng cán bộ, công chức, viên chức của đơn vị; chịu trách nhiệm về việc sụt giảm các chỉ số thành phần PCI liên quan đến chức năng, nhiệm vụ được phân công tại Quyết định ban hành Kế hoạch này. Thực hiện nghiêm chế độ báo cáo. Trước ngày 10 tháng 6 và trước ngày 10 tháng 12, tổng hợp báo cáo, đánh giá tình hình triển khai và kết quả thực hiện trong 6 tháng và cả năm gửi Sở Kế hoạch và Đầu tư để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố.

2. Sở Kế hoạch và Đầu tư làm đầu mối theo dõi, đôn đốc, tổng hợp tình hình triển khai thực hiện Kế hoạch này, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố trước ngày 15 tháng 6 và trước ngày 15 tháng 12 hàng năm.

3. Sở Nội vụ nghiên cứu bổ sung một số nội dung phù hợp của Kế hoạch này vào tiêu chí tác động kinh tế - xã hội tại Đề án xác định chỉ số cải cách hành chính của sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện.

4. Các sở, ban, ngành, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện xây dựng nội dung, tổ chức giới thiệu, tuyên truyền về các sản phẩm dịch vụ công trực tuyến, các chính sách, chủ trương của Trung ương và Thành phố về lĩnh vực do đơn vị quản lý đến người dân và doanh nghiệp để biết và khai thác, sử dụng có hiệu quả.

5. Hiệp hội doanh nghiệp Thành phố theo dõi, đánh giá độc lập thường xuyên về tình hình và kết quả thực hiện Kế hoạch, tiến hành đánh giá mức độ hài lòng của

doanh nghiệp trên các lĩnh vực như thuế, hải quan, bảo hiểm xã hội, tiếp cận điện năng;... tổng hợp những bất cập, vướng mắc của pháp luật mà doanh nghiệp kiến nghị, báo cáo Ủy ban nhân dân Thành phố xem xét, giải quyết.

6. Sở Thông tin và Truyền thông chủ trì phối hợp với các cơ quan báo, đài tuyên truyền sâu rộng tới các cấp chính quyền, tổ chức, doanh nghiệp, người dân trên địa bàn Thành phố về nội dung Kế hoạch này./.

**ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**

## DANH MỤC GIẢI PHÁP

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 02/NQ-CP ngày 01 tháng 01 năm 2021 của Chính phủ về tiếp tục thực hiện những nhiệm vụ, giải pháp chủ yếu cải thiện môi trường kinh doanh, năng lực cạnh tranh quốc gia năm 2021 và triển khai các giải pháp cải thiện môi trường đầu tư nhằm thực hiện chủ đề năm 2021 của Thành phố Hồ Chí Minh

(Ban hành kèm theo Quyết định số 1281/QĐ-UBND

Ngày 14 tháng 4 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)

STT	Nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm	Cơ quan chủ trì
<b>I</b>	<b>Nhóm giải pháp về cải cách thủ tục hành chính</b>	
1	Tiếp tục cải cách hành chính theo hướng tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin, tăng tính minh bạch để giảm thời gian, giảm chi phí tuân thủ pháp luật cho người dân, doanh nghiệp.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
2	Công khai quy trình xử lý của tất cả các thủ tục hành chính để người dân, doanh nghiệp có thể kiểm soát tiến độ thực hiện, vướng mắc phát sinh và trách nhiệm giải quyết. Thường xuyên kiểm tra, rà soát để đảm bảo việc công khai đầy đủ, kịp thời, đúng quy định tại bộ phận tiếp nhận và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính. Nội dung hướng dẫn thủ tục hành chính phải bảo đảm chính xác, đầy đủ, cụ thể để người dân và doanh nghiệp có thể hiểu và thực hiện, đảm bảo “tăng tỷ lệ người dân và doanh nghiệp nộp hồ sơ đầu tiên và giảm tỷ lệ hồ sơ phải sửa đổi, bổ sung ở mức thấp nhất”, không để người dân và doanh nghiệp phải đi lại nhiều lần khi thực hiện thủ tục hành chính.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

3	Đổi mới cách thức thực hiện khảo sát, đánh giá sự hài lòng của người dân, doanh nghiệp đối với phục vụ của cơ quan hành chính toàn Thành phố; đánh giá thường xuyên và có các giải pháp cải thiện, khắc phục tình trạng hồ sơ trễ hạn, thái độ ứng xử chưa đúng mực của cán bộ công chức đối với người dân, doanh nghiệp.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
4	Cập nhật và hướng dẫn chi tiết để người dân và doanh nghiệp dễ dàng tiếp cận các văn bản quy phạm pháp luật, quy định của các cấp từ Trung ương cho tới địa phương, các chương trình, kế hoạch của Thành phố liên quan đến phục vụ người dân và doanh nghiệp bằng nhiều hình thức, phương thức hiệu quả.	Thủ trưởng các Sở, ban ngành và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thành phố Thủ Đức
5	Các đơn vị khi được hỏi ý kiến phải khẩn trương trả lời cơ quan lấy ý kiến. Nếu quá 15 ngày làm việc, cơ quan được lấy ý kiến không trả lời bằng văn bản thì xem như đồng ý và phải chịu trách nhiệm về các nội dung có liên quan theo đúng Quy chế làm việc của Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành tại Quyết định số 63 ngày 23 tháng 12 năm 2016	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
6	Tăng số lượng thủ tục hành chính đủ điều kiện được đưa vào cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4 tại các sở, ban, ngành và Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức. Cải tiến chất lượng dịch vụ công mức độ 3, 4 đang áp dụng. Xây dựng quy chế phối hợp đối với các thủ tục có tính chất liên thông.	Sở Nội vụ
7	Tích hợp thủ tục hành chính lên Cổng dịch vụ công quốc gia theo lộ trình; đẩy mạnh phương thức tiếp nhận hồ sơ, trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính qua dịch vụ bưu chính công ích.	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố

8	Giám sát việc thực thi quy định đối với thủ tục đặt in/ tự in hóa đơn và thông báo phát hành đảm bảo đúng thời hạn 02 ngày theo quy định; đối với thủ tục mua hóa đơn đảm bảo giải quyết ngay trong ngày đối với hồ sơ đúng quy định. Phối hợp với Sở Kế hoạch và Đầu tư đẩy mạnh việc đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp theo Nghị định số 122/2020/NĐ-CP ngày 15 tháng 10 năm 2020 của Chính phủ về quy định về phối hợp, liên thông thủ tục đăng ký thành lập doanh nghiệp, chi nhánh, văn phòng đại diện, khai trình việc sử dụng lao động, cấp mã số đơn vị tham gia bảo hiểm xã hội, đăng ký sử dụng hóa đơn của doanh nghiệp.	Cục Thuế Thành phố
9	Phát hành Sổ tay đầu tư theo các quy định mới của Luật Đầu tư năm 2020 và pháp luật khác có liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
10	Ban hành Quy chế phối hợp tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về xét cho phép sử dụng thẻ đi lại của doanh nhân APEC thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
11	Xây dựng và triển khai thực hiện Bộ chỉ số đánh giá năng lực điều hành cấp Sở, ban ngành và địa phương thuộc Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
12	Xây dựng kế hoạch triển khai việc áp dụng Hệ thống quản lý chất lượng theo Tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015 vào hoạt động của các cơ quan, tổ chức thuộc hệ thống hành chính nhà nước tại Thành phố Hồ Chí Minh	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Khi cần yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ thì thông báo một lần bằng văn bản cho doanh nghiệp, nhà đầu tư về toàn bộ các nội dung cần phải sửa đổi, bổ sung đối với mỗi bộ hồ sơ theo đúng tinh thần Nghị quyết số 35/NQ-CP ngày 16 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ về hỗ trợ phát triển doanh nghiệp đến năm 2020	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

14	Nghiên cứu giảm ít nhất 30% thời gian xử lý kiến nghị của doanh nghiệp so với quy trình cơ quan, đơn vị đang triển khai hiện nay.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
15	Trên 60% thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền giải quyết thủ tục hành chính của Thành phố đủ điều kiện được cung cấp dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, mức độ 4	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
16	Kiến toàn thành viên của Tổ công tác đầu tư và Quy chế sửa đổi, bổ sung hoạt động Tổ công tác đầu tư	Sở Nội vụ
17	Thường xuyên rà soát những khó khăn vướng mắc của các dự án, đặc biệt là các dự án trọng điểm của Thành phố để tổng hợp, tham mưu đề xuất đưa vào Chương trình làm việc của Tổ công tác đầu tư trên địa bàn Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
18	Theo dõi chặt chẽ việc tổ chức thực hiện kết luận của Tổ công tác đầu tư, không để chậm trễ các nhiệm vụ, các công việc đã có kết luận, có thời hạn, thời hiệu. Trường hợp phát sinh khó khăn mới vượt thẩm quyền, báo cáo ngay để Tổ công tác đầu tư chỉ đạo xử lý	Sở Kế hoạch và Đầu tư
19	Tổ chức các buổi gặp gỡ giữa các sở, ban, ngành của Thành phố với các hội đồng ngành, Hiệp hội doanh nghiệp, Hội ngành nghề, doanh nghiệp trong và ngoài nước để lắng nghe ý kiến, tháo gỡ khó khăn thuộc lĩnh vực mình quản lý cho doanh nghiệp, cải thiện môi trường đầu tư	Thủ trưởng các Sở, ban ngành
II	<b>Nhóm giải pháp về Công tác phối hợp giữa các cơ quan trên địa bàn Thành phố:</b>	

1	Ban hành Quyết định về cơ chế phối hợp lựa chọn nhà đầu tư thực hiện dự án đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư, bao gồm chấp thuận nhà đầu tư trong trường hợp đồng thời với chấp thuận chủ trương đầu tư hoặc trong trường hợp đấu giá, đấu thầu thay thế Quyết định số 5166/QĐ-UBND ngày 02/10/2017 về Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục quyết định chủ trương đầu tư các dự án có sử dụng đất trên địa bàn Thành phố	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Ban hành Quy chế phối hợp giải quyết thủ tục đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư đối với các dự án có sử dụng đất.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Sửa đổi Quy chế phối hợp giữa các cơ quan chức năng trong quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp, hộ kinh doanh sau đăng ký thành lập.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Ban hành Quy chế phối hợp giữa các sở ban ngành trong việc tiếp nhận các khoản viện trợ không hoàn lại không thuộc hỗ trợ phát triển chính thức của các cơ quan, tổ chức, cá nhân nước ngoài dành cho Việt Nam	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Tăng cường công tác hậu kiểm sau cấp phép thay cho tiền kiểm trong quá trình giải quyết thủ tục hành chính đối với một số lĩnh vực theo quy định pháp luật.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

6	Ban hành Quy chế phối hợp quản lý nhà nước giữa Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố và các Sở, ban ngành của Thành phố theo quy định tại Nghị định 82/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý khu công nghiệp và khu kinh tế	Ban Quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố
7	Tổ chức Hội nghị gặp gỡ, đối thoại giữa Lãnh đạo Thành phố và doanh nghiệp định kỳ 2 lần/năm bằng các hình thức đối thoại trực tiếp và trực tuyến.	Sở Công thương
8	Thường xuyên rà soát văn bản quy phạm pháp luật liên quan đến môi trường đầu tư, kịp thời kiến nghị cơ quan có thẩm quyền điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung cho phù hợp	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
9	Tham mưu xây dựng, triển khai thực hiện 03 Chương trình hỗ trợ phát triển và sản phẩm các ngành: Chương trình Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cơ khí - tự động hóa, Chương trình Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành cao su - nhựa, Chương trình Phát triển doanh nghiệp và sản phẩm ngành chế biến thực phẩm giai đoạn 2020 - 2030.	Sở Công Thương
10	Xây dựng, triển khai Kế hoạch tổng thể phát triển ngành logistics đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Công Thương



11	Xây dựng, triển khai Kế hoạch thực hiện Đề án phát triển xuất khẩu đến 2025, định hướng đến 2030	Sở Công thương
<b>III</b>	<b>Nhóm các giải pháp về tiếp cận nguồn lực đất đai</b>	
1	Công khai quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất, quỹ đất chưa sử dụng trên Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân Thành phố và các sở, ban, ngành có liên quan, Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức nhằm minh bạch hóa tiếp cận nguồn lực đất đai, mặt bằng sản xuất, đảm bảo cơ sở cho việc giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất	Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
2	Tập trung triển khai Đề án “Quản lý đất đai và phương hướng sử dụng đất đai hiệu quả trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh”.	Sở Tài nguyên và Môi trường
3	Xây dựng và tham mưu ban hành khung giá đất sát với giá thực tế trên thị trường	Sở Tài nguyên và Môi trường
4	Trên 80% các chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai giải quyết hồ sơ thủ tục hành chính đúng hạn từ 96%, mỗi năm tiếp theo tăng 1%.	Sở Tài nguyên và Môi trường

5	Kiến nghị Bộ Tài nguyên và Môi trường thực hiện các giải pháp cần thiết nhằm rút ngắn thời gian thực hiện các thủ tục cấp giấy chứng nhận sở hữu công trình gắn liền với đất, thủ tục chuyển quyền sở hữu nhà, đăng ký quyền sử dụng đất bảo đảm phù hợp với quy định hiện hành	Sở Tài nguyên và Môi trường
6	Rà soát, xây dựng, sửa đổi, bổ sung, kiến nghị cơ quan có thẩm quyền hoàn thiện các quy định làm cơ sở pháp lý cho việc thực hiện giao dịch điện tử về đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường
7	Ưu tiên đầu tư kinh phí cho việc hoàn thành đo đạc, lập bản đồ địa chính có tọa độ theo Nghị quyết số 39/2012/QH13 ngày 23/11/2012 của Quốc hội về việc tiếp tục nâng cao hiệu lực, hiệu quả thực hiện chính sách, pháp luật trong giải quyết khiếu nại, tố cáo của công dân đối với các quyết định hành chính về đất đai.	Sở Tài nguyên và Môi trường
8	Xây dựng các chương trình, chính sách thu hút đầu tư phát triển đô thị và nhà ở kèm theo các giải pháp và nguồn lực thực hiện, trong đó ưu tiên các dự án phát triển đô thị có quy mô lớn (trên 10 ha), có ứng dụng công nghệ đô thị thông minh, đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội; ưu tiên các dự án phát triển nhà ở xã hội, nhà ở tái định cư, nhà ở cao tầng dọc theo các trục và hành lang giao thông trọng điểm, trong phạm vi bán kính 500m - 1000m xung quanh các nhà ga đường sắt đô thị	Sở Kế hoạch và Đầu tư
9	Xây dựng Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư năm 2021 của Thành phố và tổ chức đấu thầu các dự án theo quy định về đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư có sử dụng đất.	Sở Kế hoạch và Đầu tư

10	Rà soát, công khai quy hoạch Khu chế xuất - Khu công nghiệp, quỹ đất sẵn sàng cho thuê tại Khu chế xuất - Khu công nghiệp. Nghiên cứu thành lập các cụm công nghiệp tập trung cho doanh nghiệp nhỏ và vừa và doanh nghiệp công nghiệp hỗ trợ nhằm tạo điều kiện về mặt bằng sản xuất kinh doanh cho các doanh nghiệp nhỏ và vừa có nhu cầu.	Ban Quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố
11	Rà soát, kiểm tra tiến độ triển khai dự án đầu tư, xử lý kịp thời đối với các dự án chậm triển khai, chủ đầu tư giải thể, phá sản theo quy định của pháp luật để thu hồi đất, thu hút dự án đầu tư mới	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Ban Quản lý các khu chế xuất và khu công nghiệp Thành phố, Ban Quản lý Khu Công nghệ cao Thành phố
<b>IV</b>	<b>Nhóm giải pháp về chuyển đổi số và phát triển khoa học và công nghệ</b>	
1	Đẩy nhanh việc thực hiện Chương trình chuyển đổi số của Thành phố theo Quyết định số 2393/QĐ-UBND ngày 03 tháng 7 năm 2020 của Ủy ban nhân dân Thành phố để doanh nghiệp có điều kiện tiếp cận và tham gia hiệu quả vào quá trình cơ cấu lại nền kinh tế, chuyển đổi lĩnh vực sản xuất kinh doanh, đổi mới quy trình và công nghệ sản xuất; từng bước chuyển khu vực kinh tế dịch vụ đơn thuần sang số hoá như: thương mại điện tử, kinh tế số, kinh tế chia sẻ, thúc đẩy phát triển các nền tảng trực tuyến trong lĩnh vực giáo dục và y tế.	Sở Thông tin và Truyền thông
2	Ban hành Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử trên địa bàn Thành phố giai đoạn 2021-2025.	Sở Công Thương

3	Xây dựng Hệ thống thông tin khai trình lao động trực tuyến kết nối với Hệ thống thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Tổ chức triển khai việc tích hợp dịch vụ công trực tuyến trên Cổng Dịch vụ công quốc gia đảm bảo tiến độ, chất lượng theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 24 tháng 3 năm 2020.	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
5	Phân đấu số hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng thông tin điện tử đạt tỷ lệ từ 93% trở lên.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Nâng cấp, xây dựng Chương trình đăng ký đầu tư trực tuyến theo quy định của Luật Đầu tư năm 2020 với mục tiêu tỷ lệ cấp Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư qua mạng điện tử đạt tỷ lệ từ 40% trở lên	Sở Kế hoạch và Đầu tư
7	Triển khai hệ thống phần mềm quản lý và giải quyết thủ tục hành chính về đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư tại Ban quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố.	Ban Quản lý Khu công nghệ cao Thành phố, Ban Quản lý các khu chế xuất và công nghiệp Thành phố
8	Tăng số lượng dịch vụ công trực tuyến mức độ 3, 4, trong đó phân đấu áp dụng 100% cho dịch vụ công thiết thực đối với người dân (như các lĩnh vực y tế, giáo dục và đào tạo, an sinh xã hội); cho phép người dân, doanh nghiệp thanh toán không dùng tiền mặt bằng nhiều phương tiện khác nhau	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện

9	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố về việc xây dựng phần mềm quản lý các khó khăn, vướng mắc của doanh nghiệp hoặc tích hợp vào phần mềm hồ sơ công việc của Ủy ban nhân dân Thành phố.	Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố
10	Đẩy mạnh tuyên truyền phổ biến về các thủ tục thuế điện tử.	Cục Thuế Thành phố
11	Xây dựng kế hoạch triển khai chiến lược sở hữu trí tuệ trên địa bàn Thành phố đến năm 2030.	Sở Khoa học và Công nghệ
12	Triển khai các chương trình, đề án bao gồm: Đề án triển khai, áp dụng và quản lý hệ thống truy xuất nguồn gốc; Chương trình quốc gia hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng suất và chất lượng sản phẩm, hàng hóa giai đoạn 2021 - 2030; Đề án tăng cường, đổi mới hoạt động đo lường hỗ trợ doanh nghiệp Việt Nam nâng cao năng lực cạnh tranh và hội nhập quốc tế giai đoạn đến năm 2025, định hướng đến năm 2030	Sở Khoa học và Công nghệ
13	Hỗ trợ doanh nghiệp đổi mới công nghệ, sản phẩm. Huấn luyện về năng suất, chất lượng phục vụ cải tiến và đổi mới mô hình quản lý sản xuất, kinh doanh. Thúc đẩy doanh nghiệp tại các khu công nghiệp đổi mới sáng tạo, đổi mới công nghệ, đổi mới sản phẩm. Tư vấn áp dụng tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật; các hệ thống quản lý, công cụ cải tiến năng suất, chất lượng, đo lường.	Sở Khoa học và Công nghệ

14	Nghiên cứu xây dựng Hệ thống dữ liệu dùng chung về quản lý doanh nghiệp giữa các cơ quan quản lý nhà nước trên địa bàn thành phố nhằm tăng cường công tác quản lý về doanh nghiệp, đảm bảo cạnh tranh lành mạnh trên thị trường.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
15	Hỗ trợ doanh nghiệp đăng ký chuyển giao công nghệ, phát triển doanh nghiệp khoa học và công nghệ. Đẩy mạnh tuyên truyền về việc xây dựng và sử dụng Quỹ khoa học và công nghệ trong doanh nghiệp; đề xuất điều chỉnh chính sách về Quỹ khoa học và công nghệ theo hướng nâng cao tính tự chủ của các doanh nghiệp để đầu tư vào R&D, đổi mới sáng tạo phù hợp với tình hình thực tế và định hướng phát triển của doanh nghiệp.	Sở Khoa học và Công nghệ
<b>V</b>	<b>Nhóm các giải pháp về đầu tư công</b>	
1	Tham mưu Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố về Kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2021 - 2025	Sở Kế hoạch và Đầu tư
2	Đề xuất các giải pháp đẩy mạnh tỷ lệ áp dụng đấu thầu qua mạng đạt được lộ trình năm 2021 theo Thông tư số 11/2019/TT-BKHĐT ngày 16 tháng 12 năm 2019 của Bộ Kế hoạch và Đầu tư bảo đảm tổng số lượng các gói thầu đạt tối thiểu 70% số lượng gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh và tổng giá trị gói thầu đạt tối thiểu 35% tổng giá trị các gói thầu áp dụng hình thức đấu thầu rộng rãi, chào hàng cạnh tranh	Sở Kế hoạch và Đầu tư

3	Ban hành Quy trình thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức hợp đồng BTL/BLT trên địa bàn Thành phố cho các dự án đốt rác phát điện; xử lý rác thải, nước thải sau khi các Nghị định hướng dẫn Luật được ban hành.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Ban hành Quy định về quản lý thực hiện chương trình, dự án sử dụng vốn đầu tư công của Thành phố Hồ Chí Minh (bãi bỏ Quyết định số 18/2018/QĐ-UBND ngày 25 tháng 5 năm 2018 của Ủy ban nhân dân thành phố).	Sở Kế hoạch và Đầu tư
5	Ban hành Quy trình thực hiện các dự án đầu tư theo hình thức PPP sau khi các Nghị định hướng dẫn Luật được ban hành và các dự án kêu gọi xã hội hóa.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
6	Lập kế hoạch đầu tư công và xã hội hóa đầu tư phát triển cây xanh trên địa bàn, đặc biệt là các công viên trong các dự án phát triển đô thị và nhà ở, theo hướng dành 10% đất đai cho công viên và không gian mở.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
<b>VI</b>	<b>Nhóm giải pháp về quy hoạch và xây dựng</b>	
1	Công bố công khai các nội dung của đồ án và quy định quản lý theo đồ án quy hoạch đô thị, thiết kế đô thị đã được ban hành để các cơ quan quản lý nhà nước và doanh nghiệp, người dân có thể khai thác thuận tiện, tạo sự bình đẳng cho các doanh nghiệp trong việc tiếp cận.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc

2	Xây dựng quy trình về việc thẩm định hồ sơ quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, trong đó giảm thời gian 02 ngày so với quy định	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
3	Tập trung đẩy mạnh nghiên cứu, tổ chức Lập nhiệm vụ và đồ án quy hoạch chung Thành phố Thủ Đức sau khi Nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch chung Thành phố Hồ Chí Minh được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
4	Triển khai nhiệm vụ lập quy hoạch Thành phố Hồ Chí Minh thời kỳ 2021-2030 và tầm nhìn đến năm 2045 trình Thủ tướng Chính phủ xem xét, phê duyệt.	Sở Quy hoạch - Kiến trúc
5	Thực hiện nghiêm túc Chỉ thị số 08/CT-TTg ngày 13 tháng 3 năm 2018 của Thủ tướng Chính phủ về tăng cường thực hiện các biện pháp rút ngắn thời gian cấp phép xây dựng và các thủ tục liên quan; giám sát và tăng cường kỷ luật, kỷ cương trong giải quyết thủ tục hành chính.	Sở Xây dựng
6	Đẩy nhanh tiến độ xây dựng Chương trình phát triển đô thị Thành phố Hồ Chí Minh, Chương trình phát triển đô thị thành phố Thủ Đức và Đề án công nhận thành phố Thủ Đức là đô thị loại I trực thuộc Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Nội vụ
7	Kiến nghị Bộ Xây dựng rà soát lại quy trình, thủ tục cấp giấy phép xây dựng nhằm rút ngắn thời gian cấp giấy phép và thanh tra, kiểm tra xây dựng không quá 50 ngày; nghiên cứu, đề xuất áp dụng phương pháp quản lý rủi ro trong hoạt động đầu tư xây dựng nhằm giảm số lượng các cuộc kiểm tra, số lần phê duyệt.	Sở Xây dựng



8	Tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố ban hành Kế hoạch đẩy nhanh việc triển khai các khu đô thị tái định cư phục vụ bố trí tái định cư cho các dự án của nhà nước, các công trình nhà ở xã hội, nhà ở cho người có thu nhập thấp và các dự án của các nhà đầu tư.	Sở Xây dựng
9	Xây dựng Quy chế phối hợp đảm bảo liên thông trong công tác quản lý Nhà nước về quy hoạch, đất đai, xây dựng và cấp giấy chứng nhận quyền sở hữu công trình trên địa bàn Thành phố.	Sở Xây dựng, Sở Quy hoạch - Kiến trúc và Sở Tài nguyên và Môi trường
<b>VII</b>	<b>Nhóm các giải pháp về lao động và đào tạo nguồn lao động</b>	
1	Tập trung triển khai Đề án đào tạo nhân lực trình độ quốc tế ở 8 ngành (công nghệ thông tin - truyền thông; cơ khí - tự động hoá; trí tuệ nhân tạo; quản trị doanh nghiệp; tài chính - ngân hàng; y tế; du lịch; quản lý đô thị) giai đoạn 2020 - 2035 và đại học chia sẻ.	Sở Nội vụ
2	Xây dựng cơ chế, chính sách thu hút nhân tài, huy động các chuyên gia giỏi về làm việc tại Thành phố	Sở Nội vụ
3	Ban hành Kế hoạch nâng cao chất lượng giáo dục đào tạo nghề và phát triển kỹ năng cho đội ngũ lao động của Thành phố nhằm giảm chi phí và giảm thời gian đào tạo lại của doanh nghiệp.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội

4	Khảo sát tỷ lệ lao động qua đào tạo tại các doanh nghiệp trên địa bàn Thành phố và có cơ chế hỗ trợ doanh nghiệp đào tạo lao động mới hoặc cung cấp dịch vụ đào tạo lao động theo nhu cầu của doanh nghiệp.	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
5	Tích cực kêu gọi, khuyến khích đầu tư và hợp tác của các trường đại học, dạy nghề có uy tín trong khu vực và thế giới	Sở Giáo dục và Đào tạo
6	Nghiên cứu dự báo các ngành nghề có nhu cầu tuyển dụng lao động trong tương lai của Thành phố để có chính sách hỗ trợ phát triển và đào tạo. Rà soát, nâng cao năng lực hoạt động của hệ thống dịch vụ việc làm, đẩy mạnh kết nối cung - cầu lao động phục vụ phát triển kinh tế - xã hội	Sở Lao động - Thương binh và Xã hội
7	Thực hiện, đề xuất giải pháp đẩy mạnh xã hội hóa phát triển sự nghiệp giáo dục và đào tạo đáp ứng nhu cầu phát triển công nghệ cao và các ngành chủ lực của Thành phố.	Sở Giáo dục và Đào tạo
8	Tổ chức các khóa huấn luyện, đào tạo ngắn hạn nhằm hỗ trợ doanh nghiệp nâng cao năng lực cạnh tranh, kỹ năng tiếp cận và sử dụng nguồn vốn đầu tư, điều hành doanh nghiệp thời 4.0	Sở Nội vụ
<b>VIII</b>	<b>Nhóm giải pháp về tiếp cận nguồn lực tài chính</b>	

1	Tiếp tục chỉ đạo các tổ chức tín dụng trên địa bàn thực hiện đơn giản hóa quy trình, thủ tục cho vay, bố trí các gói tín dụng cho doanh nghiệp vay với lãi suất hợp lý, tạo điều kiện thuận lợi cho người dân và doanh nghiệp được tiếp cận tín dụng công bằng, minh bạch.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
2	Ban hành và triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định về hỗ trợ lãi vay theo Chương trình kích cầu đầu tư của Thành phố Hồ Chí Minh.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
3	Đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt trên địa bàn Thành phố theo Kế hoạch của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam triển khai Đề án đẩy mạnh thanh toán không dùng tiền mặt của Chính phủ giai đoạn 2021 - 2025.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
4	Tiếp tục đẩy mạnh Chương trình kết nối Ngân hàng - Doanh nghiệp để hỗ trợ vốn cho doanh nghiệp nhằm tạo điều kiện để doanh nghiệp tiếp cận nguồn vốn tín dụng với lãi suất ưu đãi.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
5	Tổ chức hoạt động kết nối, hỗ trợ doanh nghiệp tiếp cận các nguồn vốn đầu tư trong và ngoài nước từ các quỹ đầu tư, nhà đầu tư nước ngoài hoặc các tổ chức tài chính quốc tế.	Ngân hàng Nhà nước Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh
<b>IX</b>	<b>Nhóm các giải pháp về thiết chế pháp lý, an ninh trật tự</b>	

1	Nghiên cứu, kiến nghị Bộ Tư pháp sửa đổi, bổ sung Nghị định hướng dẫn các quy định của Bộ Luật dân sự năm 2015 về giao dịch bảo đảm, trong đó hoàn thiện các quy định về đăng ký giao dịch bảo đảm, thứ tự ưu tiên thanh toán... theo hướng đơn giản hóa quy định về hồ sơ và thực hiện triển khai đăng ký, sửa đổi, bổ sung, xóa đăng ký biện pháp bảo đảm theo phương thức trực tuyến.	Sở Tư pháp
2	Nghiên cứu, tham mưu Ủy ban nhân dân Thành phố kiến nghị Quốc hội, Chính phủ hoàn thiện pháp luật về phá sản, quy định rõ quyền yêu cầu của bên nhận bảo đảm và biện pháp xử lý tài sản bảo đảm trong trường hợp tài sản bảo đảm không cần thiết cho quá trình tái cơ cấu của doanh nghiệp lâm vào tình trạng phá sản.	Sở Tư pháp
3	Áp dụng đồng bộ cơ chế tiếp nhận phản ánh, khiếu nại, tố cáo các hành vi nhũng nhiễu của cán bộ, công chức, viên chức thông qua đường dây nóng để hướng dẫn, xử lý theo quy định của pháp luật. Xây dựng ngay cơ chế, quy trình giúp doanh nghiệp tố cáo các hành vi tham nhũng của cán bộ, trình cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
4	Tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức về các chính sách, quy định của pháp luật, kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nhằm đảm bảo chất lượng, hiệu quả khi tiếp xúc và làm việc với người dân, doanh nghiệp.	Sở Nội vụ
5	Thực hiện thanh tra, kiểm tra theo đúng quy định của pháp luật (không quá một lần/năm); kết hợp thanh tra, kiểm tra liên ngành nhiều nội dung trong một đợt thanh tra, kiểm tra, trừ trường hợp thanh tra, kiểm tra đột xuất khi có dấu hiệu vi phạm pháp luật rõ	Thanh tra Thành phố

	ràng.	
6	Phát huy các kết quả đạt được của công tác cải cách tư pháp, tiếp tục khắc phục các hạn chế, yếu kém để đẩy nhanh tiến độ, đồng thời đảm bảo chất lượng xét xử và thi hành án nhằm gia tăng lòng tin của doanh nghiệp khi lựa chọn cơ quan tòa án và trọng tài để giải quyết các tranh chấp.	Tòa án nhân dân Thành phố
7	Tập trung đánh giá, nắm chắc tình hình địa bàn cơ sở và đề ra các phương hướng, giải pháp đảm bảo an ninh trật tự, giữ vững ổn định chính trị - xã hội. Nhanh chóng hỗ trợ, giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến an ninh trật tự, vi phạm pháp luật được trình báo	Công an Thành phố
<b>X</b>	<b>Nhóm các giải pháp hỗ trợ người dân và doanh nghiệp phục hồi sản xuất kinh doanh, khắc phục các tác động tiêu cực của dịch bệnh Covid-19</b>	
1	Tập trung hỗ trợ doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất, kinh doanh trong điều kiện bảo đảm an toàn theo các Bộ tiêu chí an toàn Thành phố đã ban hành. Tiếp tục đẩy mạnh các biện pháp giảm thủ tục hành chính để hỗ trợ lưu thông hàng hóa trên địa bàn, duy trì các hoạt động xuất nhập khẩu qua cửa khẩu Thành phố.	Thủ trưởng các sở, ban, ngành, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức và các quận, huyện
2	Ban hành kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp trong và sau dịch bệnh Covid-19 năm 2021 với nội dung công việc và trách nhiệm cụ thể của các Sở, ban ngành nhằm đẩy mạnh việc thực hiện các chính sách hỗ trợ theo các Nghị quyết của Chính phủ, Quyết định của Thủ tướng Chính phủ và văn bản hướng dẫn của Bộ, ngành liên quan.	Sở Kế hoạch và Đầu tư

3	Đánh giá đầy đủ tình hình thực hiện Luật Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2017; ban hành Kế hoạch hỗ trợ và phát triển doanh nghiệp nhỏ và vừa năm 2021 và giai đoạn 2021 - 2025 với các giải pháp hiệu quả, sát với thực tiễn.	Sở Kế hoạch và Đầu tư
4	Xây dựng kế hoạch và triển khai hoạt động đầu tư, thương mại, du lịch trên cơ sở nắm bắt nhu cầu thực tế của doanh nghiệp năm 2021. Tổ chức Hội nghị kết nối cung - cầu giữa Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh, thành; tổ chức các Diễn đàn lĩnh vực chuyên ngành (xuất khẩu, công nghiệp...). Triển khai kế hoạch xây dựng thương hiệu và quảng bá điểm đến Thành phố, Chương trình kích cầu du lịch nội địa, Chương trình liên kết phát triển du lịch giữa Thành phố Hồ Chí Minh với các địa phương khác trong cả nước.	Sở Kế hoạch và Đầu tư, Trung tâm xúc tiến thương mại và Đầu tư
5	Xây dựng Danh mục các dự án kêu gọi đầu tư năm 2021 của Thành phố.	Sở Kế hoạch và Đầu tư

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1320/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 16 tháng 4 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

### **Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 1**

#### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về phê duyệt danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019 và số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);

Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân Quận 1 tại Tờ trình số 533/TTr-UBND ngày 09 tháng 3 năm 2021 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2071/TTr-TNMT-QLĐ ngày 25 tháng 3 năm 2021.

### QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của Quận 1 với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

#### 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

*Đơn vị tính: ha*

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
	<b>Tổng diện tích tự nhiên</b>		<b>771,80</b>	<b>63,06</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,87</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP											
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>771,80</b>	<b>63,06</b>	<b>99,27</b>	<b>248,30</b>	<b>92,65</b>	<b>49,43</b>	<b>49,56</b>	<b>22,98</b>	<b>35,87</b>	<b>76,28</b>	<b>34,41</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	24,01		4,43	14,83			0,80		0,02	3,93	
2.2	Đất an ninh	CAN	25,24	0,02	1,11	0,27	0,40	0,06	0,06	1,08	0,18	21,34	0,72
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT											
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN											
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	78,39	2,49	8,54	36,95	9,28	6,52	2,02	0,73	0,92	10,01	0,94
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	3,44										3,44
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS											
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	279,02	20,35	38,14	87,77	38,33	21,82	18,92	10,58	12,43	19,16	11,52
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	15,18			2,49	12,69						





STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
-	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	0,12									0,12	
-	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT											
-	Đất xây dựng cơ sở giáo dục - đào tạo	DGD	0,32									0,32	
-	Đất xây dựng cơ sở thể dục - thể thao	DTT											
2.5	Đất ở tại đô thị	ODT	5,29			0,09						5,20	
2.6	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	0,29									0,29	
2.7	Đất cơ sở tôn giáo	TON	0,05									0,05	
2.8	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH											
2.9	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV											
2.10	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN											

### 3. Kế hoạch chuyển mục đích sử dụng đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích	Diện tích phân theo đơn vị hành chính									
				Tân Định	Đa Kao	Bến Nghé	Bến Thành	Nguyễn Thái Bình	Phạm Ngũ Lão	Cầu Ông Lãnh	Cô Giang	Nguyễn Cư Trinh	Cầu Kho
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(14)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)
1	Đất nông nghiệp chuyển sang phi nông nghiệp	NNP/PNN											
2	Chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất trong nội bộ đất nông nghiệp	NNP/NNP											
3	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/OCT	0,33			0,21						0,12	

Ghi chú: - PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở

**4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng đất năm 2021:** trên địa bàn Quận 1 không còn diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân Quận 1 có trách nhiệm phối hợp và thực hiện:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân Quận 1 chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

### **Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân Quận 1 chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**KT. CHỦ TỊCH**  
**PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1334/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**Về phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Thủ Đức**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Đất đai ngày 29 tháng 11 năm 2013;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 Luật có liên quan đến quy hoạch ngày 20 tháng 11 năm 2018;*

*Căn cứ Nghị quyết số 1111/NQ-UBTVQH14 ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp lại các đơn vị hành chính cấp huyện, cấp xã và thành lập thành phố Thủ Đức thuộc thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Văn bản số 21/VBHN-VPQH ngày 10 tháng 12 năm 2018 của Văn phòng Quốc hội về hợp nhất Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2014 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Đất đai; Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai; Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;*

*Căn cứ Nghị quyết số 80/NQ-CP ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Chính phủ về phê duyệt Điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2020 và kế hoạch sử dụng đất kỳ cuối (2016-2020) thành phố Hồ Chí Minh;*

*Căn cứ Thông tư số 29/2014/TT-BTNMT ngày 02 tháng 6 năm 2014 của Bộ Tài*

*nguyên và Môi trường ban hành quy định chi tiết việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất;*

*Căn cứ các Nghị quyết của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục các dự án cần thu hồi đất; dự án có sử dụng đất trồng lúa, đất rừng phòng hộ trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh (số 122/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2016; số 10/NQ-HĐND ngày 06 tháng 7 năm 2017; số 32/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2017; số 09/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2018; số 33/NQ-HĐND ngày 07 tháng 12 năm 2018; số 34/NQ-HĐND ngày 22 tháng 7 năm 2019; số 54/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2019; và số 85/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020);*

*Căn cứ Nghị quyết số 84/NQ-HĐND ngày 09 tháng 12 năm 2020 của Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về thông qua danh mục hủy bỏ các dự án cần thu hồi đất, dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh thông qua;*

*Xét đề nghị của Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức tại Tờ trình số 70/TTr-UBND ngày 23 tháng 3 năm 2021 và của Sở Tài nguyên và Môi trường tại Tờ trình số 2041/TTr-TNMT-QLĐ ngày 24 tháng 3 năm 2021.*

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2021 của thành phố Thủ Đức với các chỉ tiêu chủ yếu như sau:

# 1. Phân bổ diện tích các loại đất trong năm kế hoạch:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức	Thủ Thiêm	An Lợi Đông	An Khánh	Thảo Điền	An Phú	Thanh Mỹ Lợi	Cát Lái	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Tây	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Bình	Phú Hữu	Trường Thạnh	Long Trường	Long Phước	Long Thạnh Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>21.156,96</b>	<b>325,43</b>	<b>359,20</b>	<b>392,40</b>	<b>379,89</b>	<b>1.020,54</b>	<b>1.297,00</b>	<b>667,79</b>	<b>331,48</b>	<b>205,68</b>	<b>418,94</b>	<b>528,08</b>	<b>98,88</b>	<b>1.183,41</b>	<b>982,80</b>	<b>1.261,90</b>	<b>2.450,74</b>	<b>1.205,71</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>3.519,66</b>			<b>12,30</b>	<b>3,43</b>	<b>57,35</b>	<b>115,70</b>	<b>39,30</b>	<b>79,66</b>	<b>0,78</b>	<b>4,07</b>	<b>32,43</b>	<b>2,23</b>	<b>284,22</b>	<b>312,42</b>	<b>695,26</b>	<b>1.077,87</b>	<b>162,31</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	496,82			9,70		0,19	112,27							68,01	33,52	121,62	116,00	10,16
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	113,60													62,35			46,09	2,72
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	521,71			0,05		39,13	0,74	3,88	10,52	0,78	0,50	18,10		4,89	69,80	0,32	18,84	12,89
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.273,32			0,48	3,35	14,76	1,40	0,75	17,75		0,88	6,50	2,23	181,02	177,20	555,46	939,55	135,08
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	227,80			2,08	0,08	3,27	1,28	34,66	51,38		2,68	7,83		30,31	31,89	17,87	3,49	4,18
1.8	Đất làm muối	LMU																		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>17.637,30</b>	<b>325,43</b>	<b>359,20</b>	<b>380,10</b>	<b>376,45</b>	<b>963,19</b>	<b>1.181,30</b>	<b>628,49</b>	<b>251,82</b>	<b>204,90</b>	<b>414,87</b>	<b>495,66</b>	<b>96,65</b>	<b>899,19</b>	<b>670,38</b>	<b>566,64</b>	<b>1.372,86</b>	<b>1.043,40</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	275,75				4,51	2,20	1,97	71,31	5,50	0,16	0,12		1,77		18,28		76,71	39,60
2.2	Đất an ninh	CAN	107,59			0,44	0,25	0,13	4,60	5,58			0,54				10,06	0,15		34,16
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	979,95						129,71				125,90	247,86		53,58				295,45

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức	Thủ Thiêm	An Lợi Đông	An Khánh	Thảo Điền	An Phú	Thanh Mỹ Lợi	Cát Lái	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Tây	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Bình	Phú Hữu	Trường Thạnh	Long Trường	Long Phước	Long Thạnh Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	121,21																	
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	191,24	28,06	33,26	19,54	0,76	33,97	11,99	0,52	0,26	0,06				0,78	4,69		0,10	1,55
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	971,75			0,51	3,27	1,57	74,63	53,47	0,15		22,13	20,89	1,95	22,70	21,11	1,01	200,33	0,57
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.548,86	102,43	73,68	103,68	74,19	401,75	258,60	113,59	53,07	44,67	109,30	78,50	27,00	216,23	112,48	93,30	112,46	291,21
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,21										2,98	0,23				2,01		
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,47						0,30		0,09									0,17
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	6.367,16	45,58	30,46	143,35	205,20	353,69	248,01	223,84	163,40	121,99	141,74	112,87	56,80	437,93	305,25	145,85	156,62	286,12
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	35,37	2,73	0,29	0,43	0,21	1,18	6,94	3,56	0,22	0,86	0,48	0,58	0,25	0,34	1,49	0,26	0,66	0,94
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	10,94			1,09	0,11	2,69	1,37				0,54		0,32	1,95		1,13		0,02
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																		

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức	hủ Thiêm	An Lợi Đông	An Khánh	Thảo Điền	An Phú	Thanh Mỹ Lợi	Cát Lái	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Tây	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Bình	Phú Hữu	Trường Thạnh	Long Trường	Long Phước	Long Thạnh Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...(38)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	117,88	3,09		3,00	0,40	8,55	0,47	2,12	2,30	1,74	1,77	6,52	1,11	0,21		2,44	0,43	3,95
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	147,48			0,24			0,18	0,50	5,57	1,20	2,69	2,68	0,27	1,10	6,20	5,62	0,85	18,16
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,14														0,30			
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,07			0,05	0,17	0,18	0,02	0,11	0,13	0,05	1,15	0,12	0,06	0,02	0,78	0,21	0,15	0,08
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	534,36	63,91	133,22	40,90	7,82	76,29	60,78	21,11	6,67	5,46	0,93		0,39	15,84	23,50	0,24		5,81
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,72			0,26	0,29	0,27	0,66	0,13	0,16	0,28	0,29	3,28		0,77	0,92	0,96	0,47	0,83
2.24	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	3.074,27	52,09	70,96	57,29	78,91	56,18	365,11	132,65	14,28	28,43	4,32	22,13	6,73	147,74	165,32	313,46	824,08	64,77
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	115,78	27,54	17,32	9,33	0,33	24,54	15,90											
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,08						0,08											
3	Đất chưa sử dụng	CSD																		
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																		
5	Đất khu kinh tế*	KKT																		
6	Đất đô thị*	KDT	21.156,96	325,43	359,20	392,40	379,89	1.020,54	1.297,00	667,79	331,48	205,68	418,94	528,08	98,88	1.183,41	982,80	1.261,90	2.450,74	1.205,71

STT	Chỉ tiêu sử dụng	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
-----	------------------	----	---------------------------------------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--



			<b>Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức</b>	Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
	<b>TỔNG DIỆN TÍCH TỰ NHIÊN</b>		<b>21.156,96</b>	<b>445,08</b>	<b>224,24</b>	<b>237,20</b>	<b>588,15</b>	<b>1.772,21</b>	<b>294,70</b>	<b>647,97</b>	<b>774,47</b>	<b>311,31</b>	<b>387,68</b>	<b>141,30</b>	<b>500,92</b>	<b>542,02</b>	<b>136,23</b>	<b>121,11</b>	<b>217,01</b>	<b>705,48</b>
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	NNP	<b>3.519,66</b>	<b>47,25</b>	<b>4,14</b>	<b>1,11</b>	<b>54,06</b>	<b>119,99</b>	<b>38,90</b>	<b>53,01</b>	<b>33,50</b>	<b>84,41</b>	<b>44,25</b>		<b>41,40</b>	<b>71,97</b>	<b>3,82</b>		<b>19,86</b>	<b>22,67</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA	496,82				2,60	22,75												
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	LUC	<i>113,60</i>					<i>2,44</i>												
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	521,71	0,04	4,14	0,46	12,69	29,49	28,31	27,53	32,04	46,56	36,33		30,01	67,06	3,49		11,14	11,99
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	2.273,32	47,21		0,52	38,69	58,51	7,96	22,51	1,46	23,80	7,92		8,59	4,80	0,33		6,77	7,86
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	227,80			0,14	0,07	9,24	2,63	2,97		14,05			2,80	0,12			1,95	2,83
1.8	Đất làm muối	LMU																		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	PNN	<b>17.637,30</b>	<b>397,83</b>	<b>220,10</b>	<b>236,09</b>	<b>534,10</b>	<b>1.652,22</b>	<b>255,81</b>	<b>594,96</b>	<b>740,96</b>	<b>226,90</b>	<b>343,43</b>	<b>141,30</b>	<b>459,52</b>	<b>470,05</b>	<b>132,41</b>	<b>121,11</b>	<b>197,16</b>	<b>682,81</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	275,75	0,75	7,87		11,57	9,77	2,48	0,72	0,58				16,15	1,93	1,47	0,31		
2.2	Đất an ninh	CAN	107,59	0,87	9,09	0,56		5,16		0,92	0,50		0,72		2,57		7,24	2,59		21,46
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	979,95	93,99	5,44											28,01				

STT	Chi tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức	Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
2.4	Đất khu chế xuất	SKT	121,21													61,14				60,07
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	191,24	0,55	0,18	0,16	0,18	4,61	0,91	4,98	14,72	1,53	1,83	0,21	3,93	1,04	4,38	5,86	3,01	7,61
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	971,75	6,38	27,09	12,56	26,88	77,12	2,88	19,05	20,57	3,19	62,25	3,15	112,01	11,66	11,32	1,94	4,90	144,50
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	4.548,86	190,34	67,65	55,57	136,34	617,35	62,78	127,68	193,34	64,36	95,26	64,32	108,89	83,95	34,19	41,75	68,87	270,07
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	5,21																	
2.11	Đất danh lam thắng cảnh	DDL																		
2.12	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	6,47			0,04	0,42			0,03	0,51	0,40								4,50
2.13	Đất ở tại nông thôn	ONT																		
2.14	Đất ở tại đô thị	ODT	6.367,16	91,47	96,32	158,70	311,03	533,08	154,37	342,09	389,58	122,26	164,38	63,59	145,11	236,86	70,65	56,43	103,68	148,87

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức	Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
2.15	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	35,37	0,49	1,76	0,40	0,16	0,88	0,89	0,61	0,77	0,17	0,37	1,44	0,17	1,19	0,29	3,17	0,31	0,88
2.16	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	10,94					0,02									0,23	0,47	0,97	0,04
2.17	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG																		
2.18	Đất cơ sở tôn giáo	TON	117,88	2,45	0,84	1,43		16,74	4,26	4,34	0,98	10,28	4,76	4,83	4,13	9,57	0,68	6,13	3,22	5,15
2.19	Đất làm nghĩa trang, nghĩa địa, nhà tang lễ, nhà hỏa táng	NTD	147,48	2,62	0,26	0,56	1,75	35,74	0,86	2,15	0,26	1,97	6,82	2,87	1,37	25,54	1,14	0,73	3,36	14,20
2.20	Đất sản xuất vật liệu xây dựng, làm đồ gốm	SKX	1,14					0,84												
2.21	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	9,07	0,25	0,72	0,17	0,29	0,74	0,43	0,20	0,81	0,21	0,16	0,19	0,26	0,34	0,08	0,05	0,34	0,57
2.22	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	534,36	0,15	2,67		14,90	10,53	0,10	6,71	18,83	2,11	3,90	0,39	3,58	1,24	0,36	1,68	2,91	1,43
2.23	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	15,72	0,24	0,20	0,07	0,48	0,64	0,50	0,30	0,48	0,45	0,29	0,30	1,08	0,28	0,17		0,17	0,50
2.24	Đất sông, ngòi,	SON	3.074,27	7,26		5,87	30,10	338,01	25,13	84,53	87,06	19,97	2,49		59,62	4,85	0,20		4,65	0,07

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																		
			Kế hoạch năm 2021 TP. Thủ Đức	Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung	
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)	
	kênh, rạch, suối																				
2.25	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	115,78					1,00	0,22	0,65	11,97			0,18	0,02	0,65	2,47			0,77	2,89
2.26	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	0,08																		
3	Đất chưa sử dụng	CSD																			
4	Đất khu công nghệ cao*	KCN																			
5	Đất khu kinh tế*	KKT																			
6	Đất đô thị*	KDT	21.156,96	445,08	224,24	237,20	588,15	1.772,21	294,70	647,97	774,47	311,31	387,68	141,30	500,92	542,02	136,23	121,11	217,01	705,48	

Ghi chú: \* Không tổng hợp khi tính tổng diện tích tự nhiên

## 2. Kế hoạch thu hồi đất năm 2021:

Đơn vị tính: ha

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Tổng diện tích TP. Thủ Đức	Thủ Thiêm	An Lợi Đông	An Khánh	Thảo Điền	An Phú	Thạnh Mỹ Lợi	Cát Lái	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Tây	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Bình	Phú Hữu	Trường Thạnh	Long Trường	Long Phước	Long Thạnh Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1	Đất nông nghiệp	NNP	690,65			1,36	0,57	135,89	6,17	6,25	1,63		12,91	16,25	0,67	23,18	32,57	43,62	298,87	18,59
1.1	Đất trồng lúa	LUA	221,35			0,35		103,39	6,08							9,08	4,00	0,36	79,68	9,67
	Đất trồng lúa (*)	LUA*	47,22			0,47		25,82	0,45	4,30	0,22	0,20								
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	58,53													0,80			57,73	

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Tổng diện tích TP. Thủ Đức	Thủ Thiêm	An Lợi Đông	An Khánh	Thảo Điền	An Phú	Thạnh Mỹ Lợi	Cát Lái	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Tây	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Bình	Phú Hữu	Trường Thạnh	Long Trường	Long Phước	Long Thạnh Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	45,38					0,09	0,09	3,36			5,90	1,23			2,45	0,02		0,33
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	385,97			0,84	0,29	1,15			1,62		4,84	15,02	0,67	14,05	26,12	43,24	219,18	8,59
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	37,95			0,17	0,28	31,26		2,89	0,01		2,17			0,05			0,01	
1.8	Đất làm muối	LMU																		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>221,08</b>			<b>6,13</b>	<b>5,19</b>	<b>43,15</b>	<b>8,02</b>	<b>12,25</b>	<b>8,85</b>	<b>4,76</b>	<b>4,23</b>	<b>8,61</b>	<b>0,05</b>	<b>12,50</b>	<b>7,35</b>	<b>6,12</b>	<b>21,00</b>	<b>1,47</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,18				0,03	0,04	0,11											
2.2	Đất an ninh	CAN	0,17				0,03													
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1,04						1,04											
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,25			0,30					0,08									
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	27,11				0,33	0,18					0,50	0,50		1,98	3,88			0,50
2.8	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS																		
2.9	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	20,19			1,17	0,75	7,88	0,68	2,38	0,68	0,37	0,70	0,15		0,15	0,03	0,05	1,05	0,01
2.10	Đất có di tích lịch sử - văn	DDT	0,71															0,71		



TT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																	
			Tổng diện tích TP. Thủ Đức	Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp</b>	<b>NNP</b>	<b>690,65</b>	<b>4,49</b>	<b>1,04</b>	<b>0,41</b>	<b>19,23</b>	<b>34,89</b>	<b>2,65</b>	<b>0,60</b>	<b>8,82</b>	<b>7,50</b>			<b>9,36</b>	<b>0,02</b>	<b>0,02</b>		<b>3,11</b>	
1.1	Đất trồng lúa	LUA	221,35				8,74													
	<i>Đất trồng lúa (*)</i>	<i>LUA*</i>	47,22								10,00	0,65			5,11					
	<i>Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước</i>	<i>LUC</i>	58,53																	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	45,38		0,91		1,91	1,05	2,24	0,56	8,41	5,76			8,35	0,02	0,02		2,67	
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	385,97	4,49	0,13	0,41	8,58	33,84	0,20	0,04	0,41	1,23			0,65				0,41	
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH																		
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD																		
1.6	Đất rừng sản xuất	RSX																		
1.7	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	37,95							0,21			0,51		0,36				0,03	
1.8	Đất làm muối	LMU																		
1.9	Đất nông nghiệp khác	NKH																		
<b>2</b>	<b>Đất phi nông nghiệp</b>	<b>PNN</b>	<b>221,08</b>	<b>1,02</b>	<b>7,04</b>	<b>10,85</b>	<b>4,96</b>	<b>4,49</b>	<b>7,85</b>	<b>0,63</b>	<b>13,20</b>	<b>1,88</b>	<b>3,25</b>	<b>0,47</b>	<b>9,42</b>	<b>0,01</b>	<b>1,45</b>	<b>1,50</b>	<b>2,31</b>	<b>1,06</b>
2.1	Đất quốc phòng	CQP	0,18																	
2.2	Đất an ninh	CAN	0,17		0,14															
2.3	Đất khu công nghiệp	SKK	1,04																	
2.4	Đất khu chế xuất	SKT																		
2.5	Đất cụm công nghiệp	SKN																		
2.6	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	1,25							0,004	0,02		0,01	0,01	0,52			0,30		
2.7	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	27,11		5,93	9,85	0,28	1,10		0,05		0,04	0,88		0,54		0,01	0,06	0,38	0,12









STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích TP. Thủ Đức	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				Thủ Thiêm	An Lợi Đông	An Khánh	Thảo Điền	An Phú	Thanh Mỹ Lợi	Cát Lái	Bình Trưng Đông	Bình Trưng Tây	Tăng Nhơn Phú A	Tăng Nhơn Phú B	Phước Bình	Phú Hữu	Trường Thạnh	Long Trường	Long Phước	Long Thạnh Mỹ
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(5)	(6)	(7)	(8)	(9)	(10)	(11)	(12)	(13)	(14)	(15)	(16)	(17)	(18)	(19)	(20)	(21)
	ngoại nghiệp không phải là rừng																			
2.8	Đất rừng đặc dụng chuyên sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RDD/NKR <sup>(a)</sup>																		
2.9	Đất rừng sản xuất chuyên sang đất nông nghiệp không phải là rừng	RSX/NKR <sup>(a)</sup>																		
2.10	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyên sang đất ở	PKO/OCT	72,68			0,06		4,03	6,14	57,02	1,92	0,07	1,66							

STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích TP. Thủ Đức	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+...+(38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
<b>1</b>	<b>Đất nông nghiệp chuyên sang phi nông nghiệp</b>	<b>NNP/PNN</b>	<b>1.029,58</b>	<b>4,49</b>	<b>1,04</b>	<b>0,41</b>	<b>19,23</b>	<b>34,89</b>	<b>10,54</b>	<b>14,70</b>	<b>20,31</b>	<b>21,14</b>	<b>11,78</b>	<b>0,02</b>	<b>20,13</b>	<b>10,48</b>	<b>0,70</b>	<b>0,05</b>	<b>6,23</b>	<b>3,05</b>
1.1	Đất trồng lúa	LUA/PNN	358,02				8,74													
	Đất trồng lúa (*)	LUA*/PNN	187,59						0,98	3,29	18,17	11,85	3,43		9,78	6,63	0,37		0,76	
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC/PNN	58,53																	
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK/PNN	195,47		0,91		1,91	1,05	9,51	10,92	17,01	17,71	9,55	0,02	18,34	9,90	0,70	0,00	4,79	1,76
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN/PNN	430,27	4,49	0,13	0,41	8,58	33,84	0,82	3,78	3,30	2,55	2,23		1,22	0,58		0,05	1,00	1,29



STT	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Tổng diện tích TP. Thủ Đức	Diện tích phân theo đơn vị hành chính																
				Tân Phú	Hiệp Phú	Phước Long A	Phước Long B	Long Bình	Linh Đông	Hiệp Bình Chánh	Hiệp Bình Phước	Tam Phú	Linh Xuân	Linh Chiểu	Trường Thọ	Bình Chiểu	Linh Tây	Bình Thọ	Tam Bình	Linh Trung
(1)	(2)	(3)	(4)=(5)+... + (38)	(22)	(23)	(24)	(25)	(26)	(27)	(28)	(29)	(30)	(31)	(32)	(33)	(34)	(35)	(36)	(37)	(38)
2.9	Đất rừng sản xuất chuyển sang đất nông nghiệp không phải rừng	RSX/N KR <sup>(a)</sup>																		
2.1 0	Đất phi nông nghiệp không phải là đất ở chuyển sang đất ở	PKO/ OCT	72,68								0,68	0,09		0,43	0,08	0,13	0,04	0,05		0,28

Ghi chú: *-(a) gồm đất sản xuất nông nghiệp, đất nuôi trồng thủy sản, đất làm muối và đất nông nghiệp khác;*

*- PKO là đất phi nông nghiệp không phải là đất ở;*

*- LUA\*: đây là phần diện tích theo kiểm kê hiện trạng năm 2019 do người dân sử dụng không còn đất trồng lúa nhưng về mặt pháp lý trên GCN QSDĐ của người dân vẫn còn ghi nhận là đất trồng lúa và sẽ không tính vào tổng diện tích tự nhiên của Thành phố Thủ Đức.*

**4. Kế hoạch đưa đất chưa sử dụng vào sử dụng:**

Theo số liệu kiểm kê đất đai năm 2019 trên địa bàn thành phố Thủ Đức không còn diện tích đất chưa sử dụng.

**Điều 2.** Căn cứ vào Điều 1 của Quyết định này, giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức có trách nhiệm:

1. Công bố công khai kế hoạch sử dụng đất theo đúng quy định của pháp luật về đất đai.

2. Căn cứ kế hoạch sử dụng đất được phê duyệt, xác định và phê duyệt vị trí, ranh giới, diện tích các công trình, dự án trong kế hoạch sử dụng đất hàng năm trên nền bản đồ địa chính hoặc bản đồ hiện trạng sử dụng đất cấp phường.

3. Thực hiện thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, chuyển mục đích sử dụng đất theo đúng quy định của Luật Đất đai.

4. Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm về tính pháp lý, ranh, diện tích chuyển mục đích sử dụng của hộ gia đình, cá nhân, đảm bảo phù hợp quy hoạch đô thị, quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất đã được phê duyệt.

5. Tổ chức kiểm tra thường xuyên việc quản lý sử dụng đất đai, đảm bảo đúng quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.

**Điều 3.**

1. Quyết định này có hiệu lực từ ngày ký.

2. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Tài nguyên và Môi trường, Thủ trưởng các sở - ban - ngành có liên quan, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Lê Hòa Bình**

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1528/QĐ-UBND

*Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 5 năm 2021*

## **QUYẾT ĐỊNH**

**V/v công bố danh mục thủ tục hành chính lĩnh vực Kiến trúc  
thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc**

### **CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính Phủ hướng dẫn nghiệp vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Theo đề nghị của Sở Quy hoạch - Kiến trúc tại Tờ trình số 1327/TTr-SQHKT ngày 08 tháng 4 năm 2021.*

## **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 06 (sáu) thủ tục hành chính lĩnh vực Kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

Danh mục thủ tục hành chính đăng tải trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng

Ủy ban nhân dân Thành phố tại địa chỉ <http://vpub.hochiminhcity.gov.vn/portal/Home/danh-muc-tthc/default.aspx>.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh, Giám đốc Sở Quy hoạch - Kiến trúc, Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Thủ Đức, quận, huyện và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**CHỦ TỊCH**

**Nguyễn Thành Phong**



**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC KIẾN TRÚC  
THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 1528/QĐ-UBND  
ngày 07 tháng 5 năm 2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố)*

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THUỘC THẨM QUYỀN TIẾP NHẬN CỦA SỞ QUY HOẠCH - KIẾN TRÚC**

TT	Tên thủ tục hành chính	Thời gian giải quyết	Địa điểm tiếp nhận	Phí, lệ phí	Căn cứ pháp lý	Ghi chú
<b>Lĩnh vực Kiến trúc</b>						
1	Cấp chứng chỉ hành nghề kiến trúc	15 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc năm 2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
2	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc (do chứng chỉ	05 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Theo quy định cụ thể của	- Luật Kiến trúc năm 2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy

	hành nghề bị mất, hư hỏng hoặc thay đổi thông tin cá nhân được ghi trong chứng chỉ hành nghề kiến trúc)			Bộ Tài chính	tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	hoạch - Kiến trúc.
3	Cấp lại chứng chỉ hành nghề kiến trúc bị ghi sai do lỗi của cơ quan cấp	10 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Không thu phí	- Luật Kiến trúc năm 2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
4	Gia hạn chứng chỉ hành nghề kiến trúc	10 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	- Luật Kiến trúc năm 2019; - Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc; - Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

					năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.	
5	Công nhận chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kiến trúc năm 2019;</li> <li>- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;</li> <li>- Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.
6	Chuyển đổi chứng chỉ hành nghề kiến trúc của người nước ngoài ở Việt Nam	10 ngày	Sở Quy hoạch - Kiến trúc	Theo quy định cụ thể của Bộ Tài chính	<ul style="list-style-type: none"> <li>- Luật Kiến trúc năm 2019;</li> <li>- Nghị định số 85/2020/NĐ-CP ngày 17/7/2020 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Kiến trúc;</li> <li>- Quyết định số 1186a/QĐ-BXD ngày 07/9/2020 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính mới ban hành trong lĩnh vực quy hoạch kiến trúc thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng.</li> </ul>	Cơ quan giải quyết thủ tục hành chính: Sở Quy hoạch - Kiến trúc.

---

**VĂN PHÒNG UBND THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Địa chỉ: 86 Lê Thánh Tôn, quận 1

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: [tcb.ubnd@tphcm.gov.vn](mailto:tcb.ubnd@tphcm.gov.vn)

Website: [www.congbao.hochiminhcity.gov.vn](http://www.congbao.hochiminhcity.gov.vn)

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng